

BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

Họ tên Bên mua bảo hiểm: Anh A
Ngày sinh: 01/01/1988 Nam Nữ

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A)	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B)	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B)
Bảo vệ	Khoản dự phòng tài chính dành cho gia đình khi gặp rủi ro	<input checked="" type="checkbox"/>	100.000.000	0	100.000.000
	Khoản dự phòng tài chính khi không may gặp tai nạn	<input type="checkbox"/>			
	Khoản dự phòng tài chính trước rủi ro bệnh hiểm nghèo	<input type="checkbox"/>			
Giáo dục	Khoản tích lũy bảo đảm cho kế hoạch học vấn của con	<input type="checkbox"/>			
Nghỉ hưu	Khoản tích lũy cho tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			
Khác	Tích lũy hay đầu tư để thực hiện các ước mơ như du lịch, mua nhà, mua xe, ...	<input type="checkbox"/>			

Số tiền Quý khách sẵn sàng dành cho bảo hiểm nhân thọ mỗi tháng: 180 đồng

Thời gian Quý khách dự định tham gia bảo hiểm nhân thọ: 20 Năm



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm	Lý do đề xuất
EAP6-PRU-Khởi Đầu Linh Hoạt	Khách hàng có nhu cầu: Phù hợp nhu cầu

D-Xác nhận của khách hàng

Tôi xác nhận Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi. Tôi cũng đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này. Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính. Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và Số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên

Chữ ký: _____
Họ và tên: Anh A

Tư vấn viên ký tên

Chữ ký: _____
Họ và tên: NGUYỄN ANH TÀI
Mã số: 60000012



PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp;
Vốn điều lệ: 4.124,9 tỷ đồng;
Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM;
Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899;
Website: <http://www.prudential.com.vn>

THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN

Họ và tên: NGUYỄN ANH TÀI
Mã số: 60000012
Điện thoại: 08-8297310
Địa chỉ liên hệ:

PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT là giải pháp mang đến sự linh hoạt tài chính trong ngắn hạn và bảo vệ tài chính toàn diện trong dài hạn, với các quyền lợi nổi bật:

Linh hoạt thực hiện những kế hoạch ngắn hạn với quyền lợi tiền mặt 5% Số tiền bảo hiểm mỗi năm ⁽¹⁾.

(1) kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 2 và ngoại trừ ngày đáo hạn hợp đồng.

Nhận 200% Số tiền bảo hiểm cộng các khoản lãi⁽²⁾ vào ngày đáo hạn hợp đồng.

(2) các khoản lãi phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi.

Bảo vệ tài chính toàn diện trong suốt thời hạn hợp đồng trước nhiều rủi ro⁽³⁾.

(3) tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối.

PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT - Khởi đầu cho cuộc sống năng động



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh
Bên mua bảo hiểm:	Anh A				
Người được bảo hiểm chính (NDBH chính):	Anh A	Nam	30	2	
Địa chỉ liên hệ:					

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng	Thời hạn đóng phí	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính					
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT	NDBH chính	20	15	100.000.000	19.333.000
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính					19.333.000
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:		Năm	Nửa năm	Quý	
		19.333.000	10.439.800	5.509.900	

Phương thức đóng phí bảo hiểm: Tiền mặt

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Prudential. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thẩm định của Prudential.



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: Ngàn đồng

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
1/30	19.333	100.000	200.000				2.000		102.000	202.000			
2/31	38.666	100.000	200.000	5.000	5.000	11.688	4.040	587	104.040	204.040	5.000	5.000	12.275
3/32	57.999	100.000	200.000	5.000	10.000	19.969	6.121	939	106.121	206.121	5.000	10.300	21.208
4/33	77.332	100.000	200.000	5.000	15.000	28.451	8.243	1.337	108.243	208.243	5.000	15.918	30.706
5/34	96.665	100.000	200.000	5.000	20.000	41.434	10.408	2.230	110.408	210.408	5.000	21.873	45.537
6/35	115.998	115.998	215.998	5.000	25.000	51.320	12.616	2.858	115.998	215.998	5.000	28.185	57.364
7/36	135.331	135.331	235.331	5.000	30.000	61.484	14.869	3.561	135.331	235.331	5.000	34.877	69.921
8/37	154.664	154.664	254.664	5.000	35.000	86.716	17.166	6.085	154.664	254.664	5.000	41.969	99.771
9/38	173.997	173.997	273.997	5.000	40.000	99.787	19.509	7.313	173.997	273.997	5.000	49.487	116.587
10/39	193.330	193.330	293.330	5.000	45.000	142.589	21.899	12.401	193.330	293.330	5.000	57.457	167.447
11/40	212.663	212.663	312.663	5.000	50.000	160.453	24.337	14.575	212.663	312.663	5.000	65.904	190.932
12/41	231.996	231.996	331.996	5.000	55.000	179.038	26.824	16.992	231.996	331.996	5.000	74.858	215.888
13/42	251.329	251.329	351.329	5.000	60.000	198.386	29.361	19.676	251.329	351.329	5.000	84.350	242.411
14/43	270.662	270.662	370.662	5.000	65.000	218.538	31.948	22.652	270.662	370.662	5.000	94.411	270.601
15/44	289.995	289.995	389.995	5.000	70.000	239.541	34.587	25.953	289.995	389.995	5.000	105.075	300.569



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

MỨC MINH HỌA TRUNG BÌNH (*)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,00% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
16/45	289.995	289.995	389.995	5.000	75.000	289.995	37.279	29.609	289.995	389.995	5.000	116.380	331.375
17/46	289.995	289.995	389.995	5.000	80.000	289.995	40.024	33.659	289.995	389.995	5.000	128.363	340.920
18/47	289.995	289.995	389.995	5.000	85.000	289.995	42.825	38.142	289.995	389.995	5.000	141.064	363.177
19/48	289.995	289.995	389.995	5.000	90.000	289.995	45.681	43.104	289.995	389.995	5.000	154.528	386.964
20/49	289.995	289.995	389.995	200.000	290.000	290.000	162.595	162.595	289.995	389.995	362.595	526.395	526.395



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Quyền lợi tử vong do Tai nạn	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)		
1/30	19.333	100.000	200.000				1.000		101.000	201.000			
2/31	38.666	100.000	200.000	5.000	5.000	11.688	2.010	292	102.010	202.010	5.000	5.000	11.980
3/32	57.999	100.000	200.000	5.000	10.000	19.969	3.030	465	103.030	203.030	5.000	10.225	20.659
4/33	77.332	100.000	200.000	5.000	15.000	28.451	4.060	659	104.060	204.060	5.000	15.685	29.795
5/34	96.665	100.000	200.000	5.000	20.000	41.434	5.101	1.093	105.101	205.101	5.000	21.391	43.918
6/35	115.998	115.998	215.998	5.000	25.000	51.320	6.152	1.394	115.998	215.998	5.000	27.354	55.067
7/36	135.331	135.331	235.331	5.000	30.000	61.484	7.214	1.728	135.331	235.331	5.000	33.584	66.796
8/37	154.664	154.664	254.664	5.000	35.000	86.716	8.286	2.937	154.664	254.664	5.000	40.096	94.749
9/38	173.997	173.997	273.997	5.000	40.000	99.787	9.369	3.512	173.997	273.997	5.000	46.900	110.199
10/39	193.330	193.330	293.330	5.000	45.000	142.589	10.462	5.924	193.330	293.330	5.000	54.011	157.524
11/40	212.663	212.663	312.663	5.000	50.000	160.453	11.567	6.927	212.663	312.663	5.000	61.441	178.821
12/41	231.996	231.996	331.996	5.000	55.000	179.038	12.683	8.034	231.996	331.996	5.000	69.206	201.278
13/42	251.329	251.329	351.329	5.000	60.000	198.386	13.809	9.254	251.329	351.329	5.000	77.320	224.960
14/43	270.662	270.662	370.662	5.000	65.000	218.538	14.947	10.598	270.662	370.662	5.000	85.800	249.936
15/44	289.995	289.995	389.995	5.000	70.000	239.541	16.097	12.079	289.995	389.995	5.000	94.661	276.280



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT
2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

MỨC MINH HỌA THẤP (**)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 1,00% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (a)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (b)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (c)	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (d)				Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ (e)	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (h)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (i)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (j)	
16/45	289.995	289.995	389.995	5.000	75.000	289.995	17.258	13.707	289.995	389.995	5.000	103.920	318.915
17/46	289.995	289.995	389.995	5.000	80.000	289.995	18.430	15.499	289.995	389.995	5.000	113.597	323.592
18/47	289.995	289.995	389.995	5.000	85.000	289.995	19.615	17.470	289.995	389.995	5.000	123.709	328.704
19/48	289.995	289.995	389.995	5.000	90.000	289.995	20.811	19.637	289.995	389.995	5.000	134.275	343.244
20/49	289.995	289.995	389.995	200.000	290.000	290.000	73.019	73.019	289.995	389.995	273.019	413.337	413.337



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT
2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

Đơn vị tính: Ngàn đồng

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,50% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (a)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (b)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (c)	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (d)				Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ (e)	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (h)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (i)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (j)	
1/30	19.333	100.000	200.000				2.500		102.500	202.500			
2/31	38.666	100.000	200.000	5.000	5.000	11.688	5.063	735	105.063	205.063	5.000	5.000	12.423
3/32	57.999	100.000	200.000	5.000	10.000	19.969	7.689	1.180	107.689	207.689	5.000	10.375	21.524
4/33	77.332	100.000	200.000	5.000	15.000	28.451	10.381	1.684	110.381	210.381	5.000	16.153	31.288
5/34	96.665	100.000	200.000	5.000	20.000	41.434	13.141	2.816	113.141	213.141	5.000	22.365	46.614
6/35	115.998	115.998	215.998	5.000	25.000	51.320	15.969	3.618	115.998	215.998	5.000	29.042	58.980
7/36	135.331	135.331	235.331	5.000	30.000	61.484	18.869	4.519	135.331	235.331	5.000	36.220	72.223
8/37	154.664	154.664	254.664	5.000	35.000	86.716	21.840	7.742	154.664	254.664	5.000	43.937	103.395
9/38	173.997	173.997	273.997	5.000	40.000	99.787	24.886	9.328	173.997	273.997	5.000	52.232	121.347
10/39	193.330	193.330	293.330	5.000	45.000	142.589	28.009	15.860	193.330	293.330	5.000	61.149	174.598
11/40	212.663	212.663	312.663	5.000	50.000	160.453	31.209	18.690	212.663	312.663	5.000	70.735	199.878
12/41	231.996	231.996	331.996	5.000	55.000	179.038	34.489	21.847	231.996	331.996	5.000	81.041	226.926
13/42	251.329	251.329	351.329	5.000	60.000	198.386	37.851	25.365	251.329	351.329	5.000	92.119	255.870
14/43	270.662	270.662	370.662	5.000	65.000	218.538	41.297	29.282	270.662	370.662	5.000	104.028	286.847
15/44	289.995	289.995	389.995	5.000	70.000	239.541	44.830	33.639	289.995	389.995	5.000	116.830	320.010



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT
2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH**

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

MỨC MINH HỌA CAO (***)													
Năm hợp đồng/ Tuổi NDBH chính	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO					QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO		TỔNG QUYỀN LỢI				
		QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI ĐẢM BẢO	Bảo tức tích lũy được minh họa ở mức 2,50% và Lãi chia cuối hợp đồng	Lãi chia cuối hợp đồng và Giá trị hoàn lại của Bảo tức tích lũy	QUYỀN LỢI BẢO VỆ		QUYỀN LỢI TIỀN MẶT ĐỊNH KỲ		GIÁ TRỊ HOÀN LẠI
		Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (a)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (b)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (c)	Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (d)				Nếu tích lũy Quyền lợi tiền mặt định kỳ (e)	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (h)	Quyền lợi tử vong do Tai nạn (i)	Nếu nhận Quyền lợi tiền mặt định kỳ & Quyền lợi đảo hạn (j)	
16/45	289.995	289.995	389.995	5.000	75.000	289.995	48.451	38.483	289.995	389.995	5.000	130.592	345.587
17/46	289.995	289.995	389.995	5.000	80.000	289.995	52.162	43.866	289.995	389.995	5.000	145.386	368.151
18/47	289.995	289.995	389.995	5.000	85.000	289.995	55.966	49.846	289.995	389.995	5.000	161.290	395.108
19/48	289.995	289.995	389.995	5.000	90.000	289.995	59.865	56.487	289.995	389.995	5.000	178.387	424.206
20/49	289.995	289.995	389.995	200.000	290.000	290.000	211.862	211.862	289.995	389.995	411.862	603.628	603.628



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT

2. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Tóm tắt quyền lợi khi kết thúc thời hạn hợp đồng trong trường hợp tích lũy Quyền lợi tiền mặt	Mức minh họa Thấp	Mức minh họa Trung bình	Mức minh họa Cao
Quyền lợi tiền mặt định kỳ	90.000	90.000	90.000
Quyền lợi đáo hạn	200.000	200.000	200.000
Bảo tức tích lũy minh họa	22.019	48.595	63.862
Lãi chia cuối hợp đồng minh họa	51.000	114.000	148.000
Lãi tích lũy minh họa trên Quyền lợi tiền mặt	50.318	73.800	101.766
Tổng quyền lợi khi kết thúc hợp đồng	413.337	526.395	603.628

Ghi chú:

(a) là số tiền chi trả đảm bảo khi Người được bảo hiểm (NDBH) tử vong hoặc TTTB&VV hoặc mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối. Trong trường hợp này, Prudential sẽ chi trả số tiền lớn hơn giữa toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, và 100% Số tiền bảo hiểm.

(b) là số tiền chi trả đảm bảo trong trường hợp NDBH tử vong trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn và chưa có bất kỳ quyền lợi TTTB&VV hoặc quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối nào được chi trả hoặc chấp thuận chi trả trước đó. Quyền lợi tử vong do tai nạn chỉ được chi trả trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 65 của NDBH. Ngoài số tiền chi trả tại điểm (a), Prudential sẽ chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm.

(c) Quyền lợi tiền mặt định kỳ: 5% Số tiền bảo hiểm sẽ được chi trả vào Ngày kỷ niệm hợp đồng mỗi năm kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 2 (ngoại trừ ngày đáo hạn hợp đồng).

Quyền lợi đáo hạn đảm bảo: vào Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng, Prudential sẽ chi trả 200% Số tiền bảo hiểm nếu NDBH còn sống và với điều kiện quyền lợi TTTB&VV hoặc quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối chưa được chi trả hoặc chấp thuận chi trả trước đó.

(d) bao gồm Quyền lợi tiền mặt được để lại Prudential nhưng không tính lãi và Quyền lợi đáo hạn đảm bảo.

(e) là số tiền chi trả đảm bảo mà Bên mua bảo hiểm (BMBH) sẽ nhận được khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định quyền lợi tiền mặt được để lại Prudential nhưng không tính lãi.

(f) Bảo tức tích lũy: có giá trị ước tính, là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi và được công bố hằng năm (nếu có). Bảo tức được bảo đảm ngay khi công bố. Bảo tức được tính trên STBH và Bảo tức tích lũy đã công bố. Trong bảng minh họa này, Bảo tức được minh họa lần lượt ở mức 1%/năm, 2%/năm và 2,5%/năm tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.

Lãi chia cuối hợp đồng: là khoản lãi chia (không đảm bảo) của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi mà BMBH sẽ nhận được cùng với Bảo tức tích lũy đã công bố vào Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng. Lãi chia cuối hợp đồng được minh họa lần lượt ở mức 51%, 114%, 148% tính trên STBH tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao.

(g) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận được khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại của bảo tức được tính toán dựa trên giá trị hiện tại của bảo tức tích lũy ở thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng bảo hiểm và xác suất NDBH còn sống.



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT

(h) Số tiền lớn hơn giữa toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi và 100% Số tiền bảo hiểm cộng với Bảo tức tích lũy đã công bố.

(i) Ngoài số tiền chi trả tại điểm (h), Prudential sẽ chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm.

(j) Quyền lợi tiền mặt định kỳ: tương tự như điểm (c).

Quyền lợi đáo hạn không đảm bảo: bao gồm quyền lợi đáo hạn đảm bảo và các khoản lãi (không đảm bảo) bao gồm Bảo tức tích lũy và Lãi chia cuối hợp đồng.

(k) Quyền lợi tiền mặt định kỳ: được giả định để lại Prudential để hưởng lãi với mức lãi suất minh họa (không đảm bảo) là 4,5%/năm, 6,0%/năm, 7,5%/năm tương ứng với các mức minh họa Thấp, Trung Bình và Cao. Trong thực tế, mức lãi suất này có thể thay đổi tại từng thời điểm và khoản lãi này được tính lãi kép theo ngày.

Quyền lợi đáo hạn không đảm bảo: bao gồm quyền lợi đáo hạn đảm bảo và các khoản lãi (không đảm bảo) bao gồm Bảo tức tích lũy và Lãi chia cuối hợp đồng và Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Prudential để tích lũy (lãi suất không đảm bảo).

(l) là số tiền minh họa (không đảm bảo) mà BMBH sẽ nhận lại khi có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn với giả định quyền lợi tiền mặt được để lại Prudential để tích lũy (lãi suất không đảm bảo).

(*) Mức minh họa Trung bình dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư bằng với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính 2017. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể khác với lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể khác với các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Trung bình.

(**) Mức minh họa Thấp dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư thấp hơn 1,5%/ năm so với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính 2017. Vì lợi nhuận đầu tư thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và có thể thấp hơn lợi nhuận đầu tư giả định nên các quyền lợi không đảm bảo trong thực tế vẫn có thể thấp hơn các giá trị minh họa tương ứng với mức minh họa Thấp.

(***) Mức minh họa Cao dựa trên giả định lợi nhuận đầu tư cao hơn 1,5%/ năm so với lợi nhuận đầu tư dài hạn tại thời điểm cuối năm tài chính 2017.

Trường hợp Người được bảo hiểm dưới bốn (04) tuổi tại thời điểm tử vong hoặc bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc bị bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối, quyền lợi bảo hiểm đề cập tại điểm (a), (b), (h), (i) sẽ được điều chỉnh chi trả theo tỷ lệ tại Quy tắc điều khoản của sản phẩm này.

Nếu vì bất kỳ lý do gì mà khách hàng không nhận được Quyền lợi tiền mặt định kỳ vào ngày chi trả, Quyền lợi tiền mặt định kỳ sẽ được để lại Prudential để tích lũy với lãi suất không đảm bảo. Quyền lợi tiền mặt chưa được nhận, nếu có, sẽ được chi trả vào bất kỳ lúc nào.

Giá trị hoàn lại sau khi kết thúc thời hạn đóng phí hoặc Quyền lợi đáo hạn được đảm bảo không thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, trừ đi Quyền lợi tiền mặt định kỳ đã chi trả và trừ đi Bảo tức tích lũy được yêu cầu rút trước, nếu có.



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: ANH A			
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT	Tử vong/ Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV)/ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối (a)	Prudential sẽ chi trả số tiền lớn hơn giữa: (i) toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, của sản phẩm bảo hiểm chính sau khi trừ đi Bảo tức tích lũy được yêu cầu rút trước, nếu có; và (ii) 100 % Số tiền bảo hiểm cộng với Bảo tức tích lũy tính đến thời điểm chi trả.	Trường hợp Người được bảo hiểm dưới bốn (04) tuổi tại thời điểm tử vong hoặc bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc bị bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối, quyền lợi bảo hiểm đề cập tại điểm (a), (b) sẽ được điều chỉnh chi trả theo tỷ lệ tại Quy tắc điều khoản của sản phẩm này.
	Tử vong do tai nạn (b)	Ngoài số tiền chi trả tại điểm (a), Prudential sẽ chi trả thêm 100% Số tiền bảo hiểm.	
	Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày kết thúc thời hạn hợp đồng, Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này được quyền tham gia một hợp đồng bảo hiểm mới không thẩm định với những điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">• Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này cũng chính là Người được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm mới; và• Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này không bị tăng phí trong suốt Thời hạn đóng phí; và• Sản phẩm bảo hiểm mới không thẩm định bao gồm các sản phẩm bảo hiểm truyền thống không có quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo. Prudential sẽ cập nhật danh sách các sản phẩm bảo hiểm dành cho Quyền lợi đảm bảo phát hành hợp đồng mới trên trang thông tin điện tử (website) của Prudential tại www.prudential.com.vn; và• Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể được chi trả của hợp đồng bảo hiểm mới, trong trường hợp chi trả quyền lợi tử vong hoặc quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, tối đa bằng 100% số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này.		



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT

CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH

1. Loại trừ trường hợp tử vong

- Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí, trong thời gian 02 năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; hoặc
- Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc
- Tử vong do bị thi hành án tử hình.

2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

- Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
- Phát sinh từ:
 - Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
 - Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

3. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối

Các dấu hiệu hay triệu chứng của Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối:

- Phát sinh từ:
 - Tự tử không thành hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích (ngoại trừ việc sử dụng các loại thuốc dựa trên đơn thuốc của bác sĩ có thẩm quyền); hoặc
- Xảy ra trên bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS.



4. Loại trừ trường hợp tai nạn

- a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc
- b. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc
- c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- d. Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm, những hành động gây nguy hiểm trừ khi cố gắng cứu sống tính mạng con người; hoặc
- e. Tham gia vào các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy cầu, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc
- f. Tham gia vào các hoạt động thể thao chuyên nghiệp; hoặc
- g. Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng.

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN KHÁC CỦA BẢN QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. kê khai chính xác các thông tin cần thiết

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. Thời hạn cân nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm và với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential. Khi đó, Prudential sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm: (tổng) Phí bảo hiểm ban đầu đã đóng của Hợp đồng bảo hiểm không có lãi; trừ đi các chi phí xét nghiệm y khoa, nếu có.

LƯU Ý: Các điều khoản loại trừ và nội dung cơ bản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về quyền lợi, điều khoản loại trừ và các nội dung cơ bản khác của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm do Bộ Tài Chính phê duyệt. Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên website của Prudential và Bộ Tài Chính theo quy định hiện hành.



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-KHỞI ĐẦU LINH HOẠT**

Các số liệu và quyền lợi trong tài liệu này được minh họa với giả định toàn bộ phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng. Toàn bộ nội dung của tài liệu này là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN

- Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.
- Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Chữ ký: _____
Họ và tên: NGUYỄN ANH TÀI
Mã số Tư vấn viên: 60000012
Ngày: ____ / ____ / ____

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi đã được Tư vấn viên phân tích nhu cầu và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu. Tôi có khả năng tài chính để đóng Phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.
- Tôi đã đọc bảng minh họa này và đã được Tư vấn viên tư vấn rõ ràng chi tiết của bảng minh họa cũng như các Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.
- Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký: _____
Họ và tên: Anh A
Ngày: ____ / ____ / ____

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

